

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369 /QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Ghi chú
1	Thành phố Long Xuyên	I	I	I	Nâng cao chất lượng đô thị loại I.
2	Thành phố Châu Đốc	II	II	II	Nâng cao chất lượng đô thị loại II.
3	Thị xã Tân Châu	III	III	III	Phấn đấu đến năm 2030, thị xã Tân Châu trở thành thành phố trực thuộc tỉnh; sau năm 2030 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại II.
4	Thị xã Tịnh Biên (bao gồm 07 phường và 07 xã)	IV	IV	III	Đến năm 2030 phấn đấu đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại III, đặc biệt là trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan.
5	Thị trấn An Phú	V	IV	IV	Phấn đấu đến năm 2025 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
6	Thị trấn Long Bình	V	V	IV	Đến năm 2025 đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV; đến năm 2030 thành đô thị loại IV
7	Thị trấn Đa Phước	V	V	V	
8	Thị trấn Phú Mỹ	IV	IV	IV	
9	Thị trấn Chợ Vàm	V	V	IV	Đến năm 2025 đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV; đến năm 2030 trở thành đô thị loại IV.
10	Đô thị Hòa Lạc		V	V	Hiện tại là xã Hòa Lạc, phấn đấu đến năm 2025 trở thành đô thị Cần Đăng (loại V).

TT	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Ghi chú
11	Thị trấn Cái Dầu	IV	IV	IV	
12	Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	V	V	V	Giai đoạn sau năm 2030 phát triển thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
13	Đô thị Mỹ Đức			V	Hiện tại là xã Mỹ Đức, phấn đấu đến năm 2030 trở thành đô thị Mỹ Đức (loại V); sau năm 2030 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
14	Đô thị Thạnh Mỹ Tây			V	Hiện tại là xã Thạnh Mỹ Tây, phấn đấu đến năm 2030 trở thành đô thị Thạnh Mỹ Tây (loại V), sau năm 2030 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
15	Thị trấn Tri Tôn	IV	IV	IV	
16	Thị trấn Ba Chúc	V	V	IV	Đến năm 2025 đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV; đến năm 2030 trở thành đô thị loại IV.
17	Thị trấn Cô Tô	V	V	V	
18	Đô thị Lương An Trà			V	Hiện tại là xã Lương An Trà, phấn đấu đến năm 2030 trở thành đô thị Lương An Trà (loại V).
19	Thị trấn An Châu	IV	IV	IV	
20	Thị trấn Vĩnh Bình	V	V	V	Giai đoạn sau năm 2030 phát triển thị trấn Vĩnh Bình đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
21	Đô thị Cần Đăng		V	V	Hiện tại là xã Cần Đăng, phấn đấu đến năm 2025 trở thành đô thị Cần Đăng (loại V).
22	Thị trấn Chợ Mới	IV	IV	IV	
23	Thị trấn Mỹ Lương	V	V	V	Phấn đấu sau năm 2030 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.

<b>TT</b>	<b>Tên đô thị</b>	<b>Hiện trạng</b>	<b>Đến năm 2025</b>	<b>Đến năm 2030</b>	<b>Ghi chú</b>
24	Thị trấn Hội An	V	V	V	Phấn đấu sau năm 2030 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại IV.
25	Thị trấn Núi Sập	IV	IV	IV	
26	Thị trấn Phú Hòa	V	IV	IV	
27	Thị trấn Óc Eo	V	V	IV	

***Ghi chú:***

- Định hướng phân loại đô thị bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369 /QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

<b>TT</b>	<b>Tên cửa khẩu</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Loại hình Quy hoạch</b>
1	Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu	Quốc tế (đường bộ, đường sông)
2	Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên	Quốc tế
3	Khánh Bình	Huyện An Phú	Quốc tế (đường bộ, đường sông)
4	Vĩnh Hội Đông	Huyện An Phú	Chính (đường sông)
5	Bắc Đai	Huyện An Phú	Chính
6	Vĩnh Gia	Huyện Tri Tôn	Phụ
7	Vĩnh Ngon	Thành phố Châu Đốc	Phụ
8	Khánh An	Huyện An Phú	Phụ
9	Vạt Lài	Huyện An Phú	Lối mở chưa chính thức

**Ghi chú:** Danh mục quy hoạch các cửa khẩu biên giới tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất với Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TẬP TRUNG TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
1	Trung tâm đầu mối về nông nghiệp tại An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Khu phức hợp nuôi trồng thủy sản và cây ăn trái	Huyện Thoại Sơn
3	Khu nông nghiệp Công nghệ cao tỉnh An Giang (trong đó có: Trung tâm phân phối, chế biến lúa gạo, nông sản, Trung tâm nghiên cứu giống rau, hoa, dược liệu)	Huyện Châu Thành
4	Khu nông nghiệp công nghệ cao	Huyện Châu Phú
5	Phát triển vùng chuyên canh lúa hàng hóa, chất lượng cao	Các huyện
6	Phát triển vùng trồng lúa nếp	Huyện Phú Tân
7	Phát triển vùng trồng lúa thơm, lúa Jasmine	Các huyện
8	Phát triển vùng sản xuất và bảo tồn lúa mùa nổi	Huyện Tri Tôn, huyện An Phú
9	Phát triển vùng sản xuất lúa đặc sản, lúa hữu cơ - lúa Nàng Nhen	Huyện Tri Tôn
10	Phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao	Các huyện
11	Phát triển vùng sản xuất lúa giống	Các huyện
12	Phát triển vùng sản xuất rau màu	Các huyện Chợ Mới, Châu Phú, An Phú, Châu Thành và các huyện khác
13	Phát triển vùng trồng và khai thác dược liệu	Huyện Tri Tôn, huyện Thoại Sơn và thị xã Tịnh Biên
14	Phát triển vùng sản xuất cây ăn trái tập trung	Các huyện
15	Phát triển vùng chăn nuôi tập trung	Các huyện

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
16	Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	Huyện Châu Phú, huyện Thoại Sơn, huyện Phú Tân, huyện Châu Thành và huyện Chợ Mới
17	Phát triển vùng phát triển ương nuôi giống thủy sản	Huyện Châu Phú, thị xã Tân Châu huyện Phú Tân, huyện Thoại Sơn, huyện Tri Tôn và thành phố Long Xuyên
18	Vùng khai thác và bảo tồn nguồn lợi thủy sản	Huyện An Phú; sông Vàm Nao, sông Hậu

**Ghi chú:** Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	KCN Bình Hòa	Huyện Châu Thành	252
2	KCN Bình Long	Huyện Châu Phú	31
3	KCN Vàm Cống	Thành phố Long Xuyên	194
4	KCN Hội An	Huyện Chợ Mới	100
5	KCN Xuân Tô	Thị xã Tịnh Biên	140
6	KCN Định Thành	Huyện Thoại Sơn	155

**Ghi chú:** Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên cụm công nghiệp</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>
<b>I</b>	<b>CỤM CÔNG NGHIỆP MỞ RỘNG</b>		<b>215,52</b>
1	Cụm công nghiệp Bình Đức	Thành phố Long Xuyên	20
2	Cụm công nghiệp Vĩnh Bình	Huyện Châu Thành	50
3	Cụm công nghiệp Tân Trung	Huyện Phú Tân	70
4	Cụm công nghiệp An Phú	Huyện An Phú	40
5	Cụm công nghiệp Lương An Trà	Huyện Tri Tôn	35,52
<b>II</b>	<b>CỤM CÔNG NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI</b>		<b>1.414,51</b>
1	Cụm công nghiệp Vĩnh Tế	Thành phố Châu Đốc	75
2	Cụm công nghiệp Châu Phong	Thị xã Tân Châu	30
3	Cụm công nghiệp Long Sơn	Thị xã Tân Châu	75
4	Cụm công nghiệp Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu	20
5	Cụm công nghiệp Long An	Thị xã Tân Châu	20
6	Cụm công nghiệp An Nông	Thị xã Tịnh Biên	75
7	Cụm công nghiệp An Cư	Thị xã Tịnh Biên	30
8	Cụm công nghiệp An Phú	Thị xã Tịnh Biên	30
9	Cụm công nghiệp Hòa An	Huyện Chợ Mới	75
10	Cụm công nghiệp Hòa Bình	Huyện Chợ Mới	75
11	Cụm công nghiệp Long Giang	Huyện Chợ Mới	42
12	Cụm công nghiệp Nhơn Mỹ	Huyện Chợ Mới	75
13	Cụm công nghiệp làng nghề Long Điền A	Huyện Chợ Mới	05
14	Cụm công nghiệp Tân Thành	Huyện Thoại Sơn	25



TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
15	Cụm công nghiệp Vĩnh Trạch	Huyện Thoại Sơn	40
16	Cụm công nghiệp Hòa Bình Thạnh	Huyện Châu Thành	55
17	Cụm công nghiệp Mỹ Phú	Huyện Châu Phú	75
18	Cụm công nghiệp Mỹ Phú 2	Huyện Châu Phú	52,95
19	Cụm công nghiệp Mỹ Phú 3	Huyện Châu Phú	56,06
20	Cụm công nghiệp Bình Mỹ 1	Huyện Châu Phú	74
21	Cụm công nghiệp Bình Mỹ 2	Huyện Châu Phú	74
22	Cụm công nghiệp Bình Mỹ 3	Huyện Châu Phú	50
23	Cụm công nghiệp Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân	28,8
24	Cụm công nghiệp Chợ Vàm	Huyện Phú Tân	11,7
25	Cụm công nghiệp Phú Bình	Huyện Phú Tân	30
26	Cụm công nghiệp Long Bình	Huyện An Phú	40
27	Cụm công nghiệp Lương An Trà 2	Huyện Tri Tôn	55
28	Cụm công nghiệp Lương An Trà 3	Huyện Tri Tôn	30
29	Cụm công nghiệp Cô Tô	Huyện Tri Tôn	30
30	Cụm công nghiệp Núi Tô	Huyện Tri Tôn	60

**Ghi chú:** Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH,**  
**KHU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TỔNG HỢP, KHU NGHỈ DƯỠNG,**  
**VUI CHƠI, GIẢI TRÍ, THỂ THAO TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên khu quy hoạch</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>A</b>	<b>Danh mục có trong Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b>	
1	Khu Du lịch quốc gia Núi Sam	Thành phố Châu Đốc
<b>B</b>	<b>Danh mục ngoài Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b>	
<b>I</b>	<b>Khu, điểm du lịch trọng điểm</b>	
1	Khu Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Thành phố Long Xuyên
2	Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê	Huyện Thoại Sơn
3	Khu du lịch Núi Cấm	Thị xã Tịnh Biên
4	Khu du lịch Núi Sập	Huyện Thoại Sơn
5	Phát triển du lịch 03 xã Cù Lao Giêng	Huyện Chợ Mới
6	Điểm du lịch quốc gia Cù lao Ông Hổ	Thành phố Long Xuyên
<b>II</b>	<b>Các khu, điểm du lịch khác</b>	
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng Núi Tà Pạ (Núi Tô)	Huyện Tri Tôn
2	Khu du lịch Búng Bình Thiên	Huyện An Phú
3	Vườn sinh thái Mỹ Đức	Huyện Châu Phú
4	Khu du lịch sinh thái Lòng Hồ Tân Trung	Huyện Phú Tân
5	Khu du lịch Ô Tà Sóc	Huyện Tri Tôn
6	Khu du lịch hồ Soài So	Huyện Tri Tôn
7	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Bình Thạnh	Huyện Châu Thành
8	Khu thương mại và vui chơi giải trí Vĩnh Xương mở rộng	Thị xã Tân Châu

TT	Tên khu quy hoạch	Địa điểm dự kiến
9	Khu thương mại - dịch vụ - du lịch khu vực cửa khẩu Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
10	Khu thương mại - dịch vụ và vui chơi giải trí Tịnh Biên mở rộng	Thị xã Tịnh Biên
11	Điểm du lịch rừng trà Trà Sư	Thị xã Tịnh Biên
12	Khu đô thị sinh thái, dịch vụ - du lịch và sân gôn	Thị xã Tịnh Biên

***Ghi chú:***

- Các khu, điểm du lịch, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục VII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
<b>I</b>	<b>CAO TỐC</b>			
1	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ranh thành phố Cần Thơ	Quốc lộ 91, thành phố Châu Đốc	6 làn xe
<b>II</b>	<b>QUỐC LỘ</b>			
1	Quốc lộ 80	Ranh thành phố Cần Thơ	Ranh thành phố Cần Thơ	III, 2 - 4 làn xe
2	Quốc lộ 91	Ranh thành phố Cần Thơ	Cửa khẩu Tịnh Biên	III, 2 - 6 làn xe
3	Quốc lộ 91C	Quốc lộ 91, thành phố Châu Đốc, An Giang	Cửa khẩu Khánh Bình, An Giang	III, 2 - 4 làn xe
4	Tuyến N1	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Ranh tỉnh Kiên Giang	III - IV, 2 - 4 làn xe
5	Tuyến N2	Quốc lộ 91, huyện Châu Thành	Ranh tỉnh Kiên Giang	IV, 2 - 4 làn xe
6	Quốc lộ 80B	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Cửa khẩu Vĩnh Xương	III, 2 - 4 làn xe
7	Quốc lộ 80C	Quốc lộ 91, huyện Châu Phú	Ranh tỉnh Kiên Giang	III, 2 - 4 làn xe
8	Quốc lộ 91D	Tuyến N1, huyện Tri Tôn	Ranh thành phố Cần Thơ	III, 2 - 4 làn xe
<b>III</b>	<b>ĐƯỜNG TỈNH</b>			
1	Đường tỉnh 941	Tuyến tránh quốc lộ 91, thành phố Long Xuyên	Đường tỉnh 943, huyện Tri Tôn	Quy hoạch thành tuyến N2
2	Đường tỉnh 942	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Đường tỉnh 954	Quy hoạch thành quốc lộ 80B

<b>STT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)</b>
3	Đường tỉnh 943	Quốc lộ 91, thành phố Long Xuyên	Đường tỉnh 959, huyện Tri Tôn	III - IV, 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 944	Quốc lộ 91, cầu Bắc Tôm	Đường tỉnh 942, huyện Chợ Mới	III, 2 - 4 làn xe
5	Đường tỉnh 945	Quốc lộ 91, cầu Năng Gù	Ranh tỉnh Kiên Giang	Quy hoạch thành quốc lộ 80C
6	Đường tỉnh 952	Đường tỉnh 953, thị xã Tân Châu	Cửa khẩu Vĩnh Xương	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
7	Đường tỉnh 953	Phà Châu Giang	Đường tỉnh 952, thị xã Tân Châu	
7.1	- Đoạn 1	Phà Châu Giang	Quốc lộ 80B	IV, 2 - 4 làn xe
7.2	- Đoạn 2	Quốc lộ 80B (đường dẫn vào cầu Tân An)	Đường tỉnh 952, thị xã Tân Châu	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
8	Đường tỉnh 954	Đường tỉnh 953, thị xã Tân Châu	Đường tỉnh 954 (mới), huyện Phú Tân	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
9	Đường tỉnh 955A	Thành phố Châu Đốc	Quốc lộ 91, thị xã Tịnh Biên	Quy hoạch thành tuyến N1
10	Đường tỉnh 955B	Đường tỉnh 948	Tuyến N1, huyện Tri Tôn	IV, 2 - 4 làn xe
11	Đường tỉnh 957	Khu cửa khẩu Khánh Bình	Quốc lộ 91C, huyện An Phú	IV, 2 - 4 làn xe
12	Đường tỉnh 958	Đường tỉnh 948, huyện Tri Tôn	Ranh tỉnh Kiên Giang	Quy hoạch thành tuyến N2
13	Đường tỉnh 960	Đường tỉnh 943	Ranh tỉnh Kiên Giang	IV, 2 - 4 làn xe

<b>STT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)</b>
14	Đường tỉnh 946	Đường tỉnh 942, huyện Chợ Mới	Đường tỉnh 944, Chợ Mới	IV, 2 - 4 làn xe
15	Đường tỉnh 947	Quốc lộ 91, huyện Châu Phú	Ranh tỉnh Kiên Giang	IV, 2 - 4 làn xe
16	Đường tỉnh 948	Quốc lộ 91, thị xã Tịnh Biên	Quốc lộ N2, huyện Tri Tôn	III, 2 - 4 làn xe
17	Đường tỉnh 949	Quốc lộ 91, Tịnh Biên	Đường tỉnh 955B, Tri Tôn	IV, 2 - 4 làn xe
18	Đường tỉnh 951	Đường tỉnh 953, thị xã Tân Châu	Đường tỉnh 954, huyện Phú Tân	IV, 2 - 4 làn xe
19	Đường tỉnh 959	Đường tỉnh 948, huyện Tri Tôn	Đường tỉnh 943, huyện Tri Tôn	IV, 2 - 4 làn xe
20	Đường tỉnh 941B	Tuyến tránh Quốc lộ 91, thành phố Long Xuyên	Tuyến tránh Quốc lộ 91, huyện Châu Phú	III, 2 - 4 làn xe
21	Nhánh đường tỉnh 941	Quốc lộ 91	Thành phố Long Xuyên	III, 2 - 4 làn xe
22	Đường tỉnh 942 (mới)	Đường tỉnh 946	Huyện Chợ Mới	IV, 2 - 4 làn xe
23	Đường tỉnh 943B	Đường tỉnh 943, huyện Thoại Sơn	Thành phố Long Xuyên	III, 4 - 6 làn xe
24	Nhánh đường tỉnh 943B	Đường tỉnh 943B, huyện Thoại Sơn	Ranh thành phố Cần Thơ	III, 4 - 6 làn xe
25	Đường tỉnh 950	Thị xã Tân Châu	Đường tỉnh 957, huyện An Phú	IV, 2 - 4 làn xe
26	Nhánh đường tỉnh 950	Huyện An Phú	Biên giới Campuchia	IV, 2 - 4 làn xe
27	Đường tỉnh 954 (mới)	Quốc lộ 80B, thị xã Tân Châu	Quốc lộ 80B, huyện Phú Tân	IV, 2 - 4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
28	Đường tỉnh 956	Quốc lộ 91, huyện Châu Thành	Đường tỉnh 943, huyện Tri Tôn	III, 2 - 4 làn xe
29	Đường tuần tra biên giới	Ranh tỉnh Đồng Tháp	Ranh tỉnh Kiên Giang	VI, 1 - 2 làn xe

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh An Giang phải phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

**Phụ lục VIII**  
**DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên sông, kênh</b>	<b>Chiều dài dự kiến (km)</b>	<b>Cấp kỹ thuật</b>
1	Sông Tiền (từ Biên giới Campuchia đến ranh tỉnh Đồng Tháp)		
	- Đoạn 1 (từ Biên giới Campuchia đến thị trấn Tân Châu)	17,5	ĐB
	- Đoạn 2 (từ Quản Bèn - Chợ Mới đến ranh tỉnh Đồng Tháp)	23,3	ĐB
2	Nhánh cù lao Tây, Ma - Sông Tiền (từ thị trấn Chợ Vàm đến Sông Vàm Nao)	17,9	ĐB
3	Nhánh cù lao Tây - Sông Tiền (từ Sông Vàm Nao đến Quản Bèn - Chợ Mới)	9,1	ĐB
4	Sông Hậu (từ Kênh Tân Châu đến kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang, ranh thành phố Cần Thơ)		
	- Đoạn 1 (từ Kênh Tân Châu đến Ngã ba xáng Vịnh Tre)	16,0	I
	- Đoạn 2 (từ Ngã ba xáng Vịnh Tre đến kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang)	35,2	ĐB
5	Nhánh cù lao ông Hổ - Sông Hậu (từ thị trấn An Châu đến xã Mỹ Hòa Hưng)	10,8	II
6	Nhánh Năng Gù - Thị Hòa, Sông Hậu (từ Bình Mỹ - Châu Phú đến Bình Thạnh - Châu Thành)	16,0	III
7	Sông Châu Đốc (từ Ngã ba Sông Hậu đến ngã ba kênh Vĩnh Tế)	1,5	III
8	Sông Vàm Nao (từ Ngã ba Sông Tiền đến Ngã ba Sông Hậu)	6,5	ĐB
9	Kênh Tân Châu (Kênh Xáng) (từ Ngã ba Sông Tiền đến Ngã ba Sông Hậu)	12,1	I
10	Kênh Vĩnh Tế (từ Ngã ba Sông Châu Đốc đến Bến đá Núi Sam)	8,5	III



<b>TT</b>	<b>Tên sông, kênh</b>	<b>Chiều dài dự kiến (km)</b>	<b>Cấp kỹ thuật</b>
11	Kênh Tri Tôn - Hậu Giang (từ Sông Hậu, cầu Vĩnh Tre đến ranh Kiên Giang)		
	- Đoạn 1 (từ Sông Hậu đến kênh Tám Ngàn)	26,3	III
	- Đoạn 2 (từ Kênh Tám Ngàn đến ranh Kiên Giang)	13,7	III
12	Kênh Ba Thê (từ Sông Hậu, Vàm xáng Cây Dương đến ranh Kiên Giang)	40,0	III
13	Kênh Tám Ngàn (từ Ngã ba kênh Mạc Cần Dung đến ranh Kiên Giang)	26,0	III
14	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (từ Sông Hậu đến ranh Kiên Giang)	40,0	III
15	Kênh Mạc Cần Dung (từ Ngã ba kênh Ba Thê đến Ngã ba kênh Tám Ngàn)	12,5	III
16	Rạch Ông Chường (từ Nhánh cù lao Tây, cù lao Ma - Sông Tiền đến nhánh cù lao ông Hổ - Sông Hậu)	21,8	III
17	Kênh Lấp Vò - Sa Đéc (từ Rạch Cái Tàu Thượng đến Sông Hậu)	4,8	III
18	Kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang (từ Sông Hậu đến ranh thành phố Cần Thơ)	5,1	III
19	Sông Hậu (từ biên giới Campuchia đến Kênh Tân Châu)	31,0	III
20	Sông Bình Di (từ ngã ba Sông Hậu, biên giới Campuchia đến Sông Châu Đốc)	11,4	III
21	Sông Châu Đốc (từ Sông Bình Di, biên giới Campuchia đến ngã ba kênh Vĩnh Tế)	26,3	III
22	Sông Cái Vừng (từ thị xã Tân Châu đến thị trấn Chợ Vàm)	21,2	III
23	Nhánh cù Lao Giêng - Sông Tiền (từ ngã ba sông Tiền, Quản Bèn đến Hội An - Chợ Mới)	15,2	III
24	Kênh Vĩnh Tế (từ Bến Đá Núi Sam đến ranh thành phố Hà Tiên)	37,5	III

<b>TT</b>	<b>Tên sông, kênh</b>	<b>Chiều dài dự kiến (km)</b>	<b>Cấp kỹ thuật</b>
25	Kênh Đào (từ cầu Kênh Đào - Sông Hậu đến kênh Trà Sư)	17,0	V
26	Kênh Trà Sư (từ kênh Vĩnh Tế đến Mạc Cần Dung - Cầu 13)	25,7	V
27	Kênh Cần Thảo (từ Khánh Hòa - Châu Phú đến Tân Lợi - Tịnh Biên)	20,5	V
28	Kênh 10 Châu Phú (từ Cầu Chữ S, Sông Hậu đến Tân Tuyên - ranh Kiên Giang)	38,9	V
29	Kênh Núi Chóc Năng Gù (từ Nhánh Năng Gù - Thị Hòa, Sông Hậu đến ranh Kiên Giang)	39,0	V
30	Kênh Võ Văn Kiệt (kênh T5) (từ kênh Vĩnh Tế đến kênh Ninh Phước 2)	11,0	V
31	Nhánh Kênh Rạch Giá - Long Xuyên (từ ngã ba cầu Nguyễn Trung Trực đến phà An Hòa cũ)	3,0	III
32	Kênh Bốn Tổng (từ Cần Đăng đến kênh ranh Cần Thơ)	25,0	V
33	Kênh Mạc Cần Dung (từ nhánh Năng Gù - Thị Hòa, Sông Hậu đến Cầu Số 5)	21,5	V
34	Kênh Chác Cà Dao (từ Sông Hậu đến kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	13,2	V
35	Kênh Sóc Triết - Kênh Tinh Đội - Kênh Ba thê Mới (từ kênh Tri Tôn đến kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	28,3	V
36	Kênh ranh Tịnh Biên - Châu Phú - Châu Đốc (từ Kênh Vĩnh Tế đến Kênh Mạc Cần Dung mới)	27,5	VI
37	Kênh ranh Châu Thành - Châu Phú (từ Nhánh Năng Gù - Thị Hòa, Sông Hậu đến kênh Ba Thê)	16,1	VI
38	Kênh Ninh Phước II (từ ranh Hà Tiên đến kênh Tri Tôn)	35,3	VI
39	Kênh ranh An Giang - Kiên Giang (từ kênh Tri Tôn đến kênh Rạch Giá - Long Xuyên)	25,5	VI

TT	Tên sông, kênh	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật
40	Kênh Tân Huệ (từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên đến ranh Thoại Sơn - Tri Tôn)	22,3	V
41	Kênh Sóc Triết (từ Bến đá Cô Tô đến kênh Tri Tôn)	2,9	VI

***Ghi chú:***

- Các tuyến đường thủy nội địa phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục IX**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẢNG**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Đơn vị tính	Năng lực tiếp nhận/Công suất dự kiến
1	Khu bến Mỹ Thới	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	DWT	10.000
2	Khu bến Bình Long	Huyện Châu Phú	Sông Hậu	DWT	10.000
3	Nâng cấp, cải tạo cảng Bình Long	Huyện Châu Phú	Sông Hậu	1.000 T/năm	2.500
4	Xây mới cảng Tân Châu	Thị xã Tân Châu	Sông Tiền	1.000 T/năm	1.000
5	Cảng Hòa An	Huyện Chợ Mới	Sông Hậu	1.000 T/năm	10.000
6	Cảng Phú Tân	Huyện Phú Tân	Sông Tiền	1.000 T/năm	500
7	Cảng bốc xếp hàng hóa An Giang	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	1.000 T/năm	1.000
8	Cảng bê tông ly tâm An Giang	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	1.000 T/năm	1.000
9	Cảng nhà máy xi măng An Giang	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	1.000 T/năm	1.000
10	Cảng Gavi	Huyện Phú Tân	Sông Vàm Nao	1.000 T/năm	1.000
11	Cảng hành khách Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	1.000 HK/năm	1.600
12	Cảng hành khách Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc	Sông Hậu	1.000 HK/năm	1.600
13	Bến tàu khách Núi Sập	Huyện Thoại Sơn	Kênh Rạch Giá -Long Xuyên	1.000 HK/năm	300
14	Bến tàu Phú Tân	Huyện Phú Tân	Sông Vàm Nao	1.000 HK/năm	1.000

15	Bến tàu Mỹ Hòa Hưng	Thành phố Long Xuyên	Sông Hậu	1.000 HK/năm	500
16	Bến tàu Mỹ Hiệp	Huyện Chợ Mới	Sông Tiền	1.000 HK/năm	1.000
17	Cảng cạn Bình Long	Huyện Châu Phú		1.000 T/năm	3.000

**Ghi chú:**

- Hệ thống cảng An Giang phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục X**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. CÁC KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN TÁI TẠO**

STT	Nguồn điện	Công suất dự kiến (MW)	Địa điểm dự kiến
1	Điện mặt trời	40	Huyện Tri Tôn
2	Điện mặt trời kết hợp sản xuất khí Hydro, Amoniac, Oxy tự tiêu	500	Huyện Tri Tôn
3	Điện mặt trời kết hợp sản xuất khí Hydro, Amoniac, Oxy tự tiêu	500	Thị xã Tịnh Biên
4	Điện mặt trời kết hợp sản xuất khí Hydro, Amoniac, Oxy tự tiêu	167	Thị xã Tịnh Biên
5	Khu vực điện gió 1	50	Huyện Tri Tôn
6	Khu vực điện gió 2	50	Huyện Tri Tôn
7	Điện sinh khối Núi Tô I	30	Huyện Tri Tôn
8	Điện sinh khối Núi Tô II	30	Huyện Tri Tôn
9	Điện sinh khối An Giang 1	50	Huyện Tri Tôn
10	Điện sinh khối An Giang 2	100	Huyện Phú Tân
11	Điện sinh khối An Giang	30	Huyện Phú Tân
12	Điện rác	15	

**B. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP VÀ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY LƯỚI ĐIỆN**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy mô, công suất dự kiến
<b>I</b>	<b>Lưới điện 220 kV</b>		
<b>I.1</b>	<b>Trạm 220 kV</b>		
*	<b>Xây mới</b>		
1	Châu Thành	Trạm/máy/MVA	1/1/250
2	Chợ Mới	Trạm/máy/MVA	1/1/250

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô, công suất dự kiến</b>
*	<b>Cải tạo</b>		
1	Long Xuyên 2	Trạm/máy/MVA	1/2/500
<b>I.2</b>	<b>Đường dây 220 kV</b>		
*	<b>Xây mới</b>		
1	Châu Thành - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	km	0,5
2	Xây mới, cải tạo đường dây 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	km	75,0
3	Chợ Mới - Châu Thành	km	0,5
4	500kV Đồng Tháp - 220kV Chợ Mới	km	34,8
5	Hồng Ngự - Châu Đốc	km	40,0
*	<b>Cải tạo</b>		
1	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt mạch 2	km	0,5
<b>II</b>	<b>Lưới điện 110 kV</b>		
<b>II.1</b>	<b>Trạm biến áp 110 kV</b>		
*	<b>Xây mới</b>		
1	Hòa Bình	MVA	63,0
2	Vĩnh Bình	MVA	40,0
3	Mỹ Phú	MVA	40,0
4	Vọng Thê	MVA	40,0
5	Chợ Vàm	MVA	40,0
6	Vĩnh Hòa	MVA	40,0
7	Xuân Tô	MVA	40,0
8	Nhon Mỹ	MVA	63,0

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô, công suất dự kiến</b>
9	Mỹ An	MVA	63,0
10	Lê Chánh	MVA	40,0
11	Khánh Bình	MVA	40,0
12	Vàm Cống	MVA	63,0
13	Vĩnh Gia	MVA	40,0
<b>*</b>	<b>Cải tạo</b>		
1	Lắp máy T2 trạm 110kV An Phú	MVA	40,0
2	Nâng công suất máy T1 trạm 110kV Cái Dầu	MVA	63,0
3	Lắp máy T2, T3 trạm 110kV Long Xuyên 2	MVA	126,0
4	Thay máy T1 trạm 110kV Châu Đốc	MVA	63,0
5	Thay máy T1 trạm 110kV Phú Châu	MVA	63,0
6	Thay máy T1 trạm 110kV Phú Tân	MVA	63,0
7	Thay máy T1 trạm 110kV Chợ Mới	MVA	63,0
8	Lắp máy 2 trạm 110kV Hòa Bình	MVA	63,0
9	Lắp máy 2 trạm 110kV Tịnh Biên	MVA	40,0
10	Nâng công suất máy T1, T3 trạm An Châu	MVA	126,0
11	Nâng công suất máy T2 trạm Cái Dầu	MVA	63,0
12	Nâng công suất máy T2 trạm Phú Tân	MVA	63,0
13	Lắp máy T2 trạm Mỹ Phú, NCS T1, T2	MVA	166,0
14	Lắp máy T1 Chợ Vàm	MVA	63,0



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô, công suất dự kiến</b>
15	Lắp máy T2 Vĩnh Hòa	MVA	40,0
16	Lắp máy T2, T3 Vĩnh Bình	MVA	229,0
<b>II.2</b>	<b>Đường dây 110 kV</b>		
*	<b>Xây mới</b>	<b>km</b>	
1	Đầu nối trạm 110kV Tịnh Biên	km	8,9
2	Đầu nối trạm 110kV Hòa Bình	km	6,4
3	Tri Tôn - Thoại Sơn	km	36,5
4	Đường dây 110kV An Phú - Phú Châu	km	24,0
5	Long Xuyên 2 - Thới Thuận - Thốt Nốt	km	10,0
6	Đường dây 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên	km	67,0
7	Long Xuyên 2 - Thoại Sơn	km	16,5
8	Đầu nối trạm 110kV Vĩnh Bình	km	18,0
9	Đầu nối trạm 110kV Vọng Thê	km	8,3
10	Đầu nối trạm 110kV Vĩnh Hòa	km	2,2
11	Đầu nối trạm 110kV Mỹ Phú	km	0,8
12	220kV Chợ Mới - Chợ Vàm	km	22,5
13	Lộ ra 110kV trạm 220kV Châu Thành	km	0,5
14	Đầu nối trạm 110kV Xuân Tô	km	4,9
15	Lộ ra 110kV trạm 220kV Chợ Mới	km	2,3
16	Trạm 220kV Chợ Mới - Thạnh Hưng	km	33,7
17	Đường dây 110kV trạm 220kV Chợ Mới - Nhơn Mỹ	km	12,5

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô, công suất dự kiến</b>
18	Trạm 220kV Châu Thành - Vĩnh Bình	km	16,8
19	An Phú - Khánh Bình	km	11,8
20	Đầu nối trạm 110kV Lê Chánh	km	0,4
21	Đầu nối trạm 110kV Mỹ An	km	0,5
22	Đầu nối trạm 110kV Vàm Cống	km	1,0
*	<b>Cải tạo, nâng tiết diện</b>	<b>km</b>	
1	Đường dây 110kV trạm 220 kV Châu Đốc - Cái Dầu	km	20,0
2	Trạm 220kV Châu Đốc - 110kV Châu Đốc	km	0,3
3	Đường dây 110kV Long Xuyên 2 - Cái Dầu	km	29,0
4	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Long Xuyên - Vĩnh Thạnh	km	11,9
5	Nâng cấp đường dây 110kV Cái Dầu - Phú Tân	km	13,8
6	Phú Tân - Chợ Mới	km	17,5
7	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV Chợ Mới - Thạnh Hưng	km	24,5
8	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc - An Phú	km	26,9
9	Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc - Phú Châu	km	30,8
10	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Phú Châu - 110kV Hồng Ngự	km	23,9
11	Treo dây mạch 2 Tri Tôn - Thoại Sơn	km	35,0

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô, công suất dự kiến</b>
12	Treo dây mạch 2 Long Xuyên - Thoại Sơn	km	16,5
13	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Long xuyên 2 (trụ T9) - 110kV Long Xuyên	km	2,3
14	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV Long xuyên - Thới Thuận (T228)	km	10,3
15	Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc 2 - Sao Mai - Tri Tôn	km	36,9

**Ghi chú:**

- Hạ tầng cấp điện tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.

- Đầu tư các dự án nguồn điện phải bảo đảm phù hợp kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

**Phụ lục XI**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
1	Hệ thống hồ trữ ngọt cho vùng khô hạn gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiêu vùng Tứ giác Long Xuyên	Vùng Tứ giác Long Xuyên
2	Nâng cấp, mở rộng 8 trạm bơm ở Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	Thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn
3	Xây dựng mới 7 trạm bơm ở Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	Thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn
4	Các trạm bơm cấp nguồn, tiêu thoát ở các vùng, tiểu vùng	Các huyện, thị xã, thành phố
5	Hồ Ông Thoại: Hệ thống 1, 2, 3; Hồ Óc Eo	Huyện Thoại Sơn
6	Hồ Tà Pa, Hồ Latina, Hồ Soài So, Hồ Ô Thum, Hồ Soài Chék, Hồ Ô Tà Sóc	Huyện Tri Tôn
7	Hồ An Hảo, Hồ Cây Đuốc, Hồ Chùa Rô, Hồ chứa ÔtukSa, Hồ Thanh Long, Hồ Thủy Liêm 1	Thị xã Tịnh Biên
8	Hồ Ô Thum, Hồ Soài Chék, Hồ Ô Tà Sóc	Huyện Tri Tôn
9	Hồ Thanh Long, Hồ Thủy Liêm 1, Hồ chứa ÔtukSa	Thị xã Tịnh Biên
10	Xây dựng mới hồ chứa nước ở vùng cao Bảy Núi phục vụ đa mục tiêu	Huyện Tri Tôn, Thị xã Tịnh Biên
11	Các công thuộc dự án Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao	Huyện Phú Tân, thị xã Tân Châu
12	Các công thuộc dự án Kiểm soát lũ Nam Vàm Nao	Huyện Chợ Mới

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
13	Cống hở 02 đầu kênh Vĩnh An, xây dựng trạm bơm điện tưới, tiêu thuộc tiểu vùng Bắc Vĩnh An (3.330 ha)	Thị xã Tân Châu
14	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống cống các tiểu vùng giáp biên Việt Nam - Campuchia	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, Tịnh Biên, huyện An Phú và Tri Tôn
15	Các công phục vụ khép vùng, vận hành tích trữ nước cho các vùng, tiểu vùng	Các huyện, thị xã, thành phố
16	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc Hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tịnh Biên
17	Hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào Vùng Bảy Núi	Thị xã Tịnh Biên
18	Hệ thống các kênh thuộc dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long	Huyện An Phú
19	Hệ thống các kênh thuộc dự án Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao	Huyện Phú Tân, thị xã Tân Châu
20	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống kênh các tiểu vùng giáp biên Việt Nam - Campuchia	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, Tịnh Biên, huyện An Phú và Tri Tôn
21	Hệ thống các kênh thuộc dự án Kiểm soát lũ Nam Vàm Nao	Huyện Chợ Mới
22	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên	Vùng Tứ giác Long Xuyên
23	Kênh Bảy Xã	Thị xã Tân Châu, huyện An Phú
24	Kênh Trà Sư - Tri Tôn	Thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn
25	Nâng cấp hệ thống đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã	Thị xã Tân Châu

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
26	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đê, bờ bao vùng Tứ giác Long Xuyên	Vùng Tứ giác Long Xuyên
27	Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (Giai đoạn 2)	Thành phố Long Xuyên, huyện Châu Thành, thành phố Châu Đốc
28	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao thuộc dự án Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao	Huyện Phú Tân, thị xã Tân Châu
29	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao thuộc dự án Kiểm soát lũ Nam Vàm Nao	Huyện Chợ Mới
30	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao thuộc vùng Bắc Vĩnh An	Thị xã Tân Châu
31	Hệ thống đê bao thuộc dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long	Huyện An Phú
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao các tiểu vùng giáp biên Việt Nam - Campuchia	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, Tịnh Biên, huyện An Phú và Tri Tôn
33	Nâng cao khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững vùng ngập lũ thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Huyện Tri Tôn
34	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2026 - 2030	Toàn tỉnh
35	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ chuyên canh lúa chất lượng cao (gắn với đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long)	Toàn tỉnh

**Ghi chú:**

- Các công trình thủy lợi tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các nhà máy nước	Công suất dự kiến m <sup>3</sup> /ngày đêm		Địa điểm
		Hiện có	Năm 2030	
<b>A</b>	<b>Danh mục có trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>(*)</sup></b>			
1	Nhà máy nước sông Hậu 2 <sup>(*)</sup>		300.000	Huyện Châu Thành
2	Nhà máy nước sông Hậu 3 <sup>(*)</sup>		150.000	Huyện Châu Phú
<b>B</b>	<b>Danh mục ngoài Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</b>			
1	Nhà máy nước Bình Đức	34.000	64.000	Thành phố Long Xuyên
2	Nhà máy nước Châu Đốc	20.000	31.000	Thành phố Châu Đốc
3	Nhà máy nước Tân Châu	5.000	10.000	Thị xã Tân Châu
4	Nhà máy nước Long Sơn	5.000	10.000	Thị xã Tân Châu
5	Nhà máy nước Xuân Tô	2.400	12.400	Thị xã Tịnh Biên
6	Nhà máy nước Nhà Bàng	2.000	12.000	Thị xã Tịnh Biên
7	Nhà máy nước Mỹ Hòa Hưng	1.000	5.000	Thành phố Long Xuyên
8	Nhà máy nước Vàm Cống		15.000	Thành phố Long Xuyên
9	Nhà máy nước An Phú	5.000	15.000	Huyện An Phú
10	Nhà máy nước Long Bình		15.000	Huyện An Phú
11	Nhà máy nước Tri Tôn	2.000	12.000	Huyện Tri Tôn
12	Nhà máy nước Ba Chúc	2.400	7.400	Huyện Tri Tôn

TT	Các nhà máy nước	Công suất dự kiến m <sup>3</sup> /ngày đêm		Địa điểm
13	Nhà máy nước Núi Sập	4.000	14.000	Huyện Thoại Sơn
14	Nhà máy nước Óc Eo	1.500	5.000	Huyện Thoại Sơn
15	Nhà máy nước Phú Hòa	5.000	10.000	Huyện Thoại Sơn
16	Nhà máy nước Phú Mỹ	5.000	15.000	Huyện Phú Tân
17	Nhà máy nước Chợ Vàm	2.000	7.000	Huyện Phú Tân
18	Nhà máy nước Hòa Lạc	600	10.000	Huyện Phú Tân
19	Nhà máy nước Bình Long	4.000	19.000	Huyện Châu Phú
20	Nhà máy nước Cái Dầu	2.000	4.000	Huyện Châu Phú
21	Nhà máy nước Khánh Hòa	5.000	25.000	Huyện Châu Phú
22	Nhà máy nước An Châu	2.600	12.600	Huyện Châu Thành
23	Nhà máy nước Vĩnh Bình	4.000	8.000	Huyện Châu Thành
24	Nhà máy nước Chợ Mới	4.000	14.000	Huyện Chợ Mới
25	Nhà máy nước Hội An	600	10.600	Huyện Chợ Mới
26	Nhà máy nước Mỹ Luông	6.000	10.000	Huyện Chợ Mới

**Ghi chú:**

- Các công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021 - 2023 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



**Phụ lục XIII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC**  
**CỦA KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Các trạm xử lý nước thải</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>	<b>Công suất dự kiến (m<sup>3</sup>/ngày đêm)</b>
1	Trạm xử lý nước thải thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên	53.000
2	Trạm xử lý nước thải thành phố Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc	16.000
3	Trạm xử lý nước thải thị xã Tân Châu	Thị xã Tân Châu	16.100
4	Trạm xử lý nước thải thị xã Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên	6.500
5	Trạm xử lý nước thải thị trấn Phú Mỹ	Huyện Phú Tân	3.300
6	Trạm xử lý nước thải thị trấn Chợ Vàm	Huyện Phú Tân	2.500
7	Trạm xử lý nước thải đô thị Hòa Lạc	Huyện Phú Tân	2.000
8	Trạm xử lý nước thải thị trấn Núi Sập	Huyện Thoại Sơn	2.800
9	Trạm xử lý nước thải thị trấn Phú Hòa	Huyện Thoại Sơn	1.700
10	Trạm xử lý nước thải thị trấn Óc Eo	Huyện Thoại Sơn	1.500
11	Trạm xử lý nước thải thị trấn An Phú	Huyện An Phú	2.600
12	Trạm xử lý nước thải thị trấn Long Bình	Huyện An Phú	4.800
13	Trạm xử lý nước thải đô thị Đa Phước	Huyện An Phú	1.800
14	Trạm xử lý nước thải thị trấn Cái Dầu	Huyện Châu Phú	5.000
15	Trạm xử lý nước thải thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	Huyện Châu Phú	2.000
16	Trạm xử lý nước thải thị trấn An Châu	Huyện Châu Thành	3.800
17	Trạm xử lý nước thải thị trấn Vĩnh Bình	Huyện Châu Thành	1.500
18	Trạm xử lý nước thải đô thị Cần Đăng	Huyện Châu Thành	2.200

TT	Các trạm xử lý nước thải	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
19	Trạm xử lý nước thải thị trấn Tri Tôn	Huyện Tri Tôn	1.300
20	Trạm xử lý nước thải thị trấn Cô Tô	Huyện Tri Tôn	1.300
21	Trạm xử lý nước thải thị trấn Ba Chúc	Huyện Tri Tôn	1.700
22	Trạm xử lý nước thải thị trấn Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	2.100
23	Trạm xử lý nước thải thị trấn Mỹ Luông	Huyện Chợ Mới	1.700
24	Trạm xử lý nước thải đô thị Hội An	Huyện Chợ Mới	2.100

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XIV**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH**  
**PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN,**  
**CỨU HỘ TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên trụ sở, doanh trại phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH)</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>I</b>	<b>Cải tạo sửa chữa</b>	
1	Trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh	Thành phố Long Xuyên
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>	
1	Trụ sở Đội Chữa cháy và CNCH khu vực Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
2	Trụ sở Đội Chữa cháy và CNCH khu vực Châu Phú	Huyện Châu Phú
3	Trụ sở Đội Chữa cháy và CNCH khu vực Châu Thành	Huyện Châu Thành
4	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH trên sông thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH	Thành phố Long Xuyên
5	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
6	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện An Phú	Huyện An Phú
7	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
8	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
9	Trung tâm chỉ huy, điều hành PCCC và CNCH thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XV**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH**  
**HẠ TẦNG Y TẾ TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
<b>I</b>	<b>Danh mục hạ tầng y tế dự kiến nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế</b>	
1	Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh	Thành phố Châu Đốc
3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu	Thị xã Tân Châu
4	Bệnh viện Tim Mạch	Thành phố Long Xuyên
5	Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt	Thành phố Long Xuyên
6	Bệnh viện Sản Nhi	Thành phố Long Xuyên
7	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
8	Trung tâm y tế thành phố Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
9	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
10	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân
11	Trung tâm y tế huyện Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
12	Trung tâm y tế thị xã Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
13	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
14	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
15	Trung tâm y tế huyện Châu Phú	Huyện Châu Phú
16	Trung tâm y tế huyện An Phú	Huyện An Phú
17	Phòng khám đa khoa khu vực An Châu	Huyện Châu Thành
18	Phòng khám đa khoa khu vực Mỹ Luông	Huyện Chợ Mới
19	Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên

<b>STT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
20	Phòng khám đa khoa khu vực Đồng Ky	Huyện An Phú
<b>II</b>	<b>Danh mục hạ tầng y tế dự kiến xây mới</b>	
1	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Long Xuyên
2	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Thành phố Long Xuyên
3	Bệnh viện Bệnh Truyền nhiễm	Thành phố Long Xuyên
4	Bệnh viện Ung bướu	Thành phố Long Xuyên
5	Trung tâm Cấp cứu và Đột quy	Thành phố Long Xuyên

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XVI**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG**  
**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. Khối trường Trung học phổ thông**

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo dự kiến mở rộng diện tích</b>	
1	Trường Trung học phổ thông Quốc Thái	Huyện An Phú
2	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu
3	Trường Trung học phổ thông Thạnh Mỹ Tây	Huyện Châu Phú
4	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thị Hương	Huyện Chợ Mới
5	Trường Trung học phổ thông Lương Văn Cù	Huyện Chợ Mới
6	Trường Trung học phổ thông Võ Thành Trinh	Huyện Chợ Mới
7	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Châu Thành
8	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình	Huyện Châu Thành
9	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Long	Huyện Châu Phú
10	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Mỹ Hòa Hưng	Thành phố Long Xuyên
<b>II</b>	<b>Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị</b>	
1	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	Huyện Tri Tôn
2	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Lộc	Huyện An Phú
3	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Nhuận	Huyện Châu Thành
4	Trường Trung học phổ thông Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân
5	Trường Trung học phổ thông Hòa Lạc	Huyện Phú Tân

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở</b>	<b>Địa điểm</b>
6	Trường Trẻ em khuyết tật An Giang	Thành phố Long Xuyên
7	Trường Trung học phổ thông Chi Lăng	Thị xã Tịnh Biên
8	Trường Trung học phổ thông Ba Chúc	Huyện Tri Tôn
9	Trường Trung học phổ thông Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
10	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền	Thành phố Long Xuyên
11	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ	Thành phố Long Xuyên
12	Trường Trung học phổ thông Châu Thị Tế	Thành phố Châu Đốc
13	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu	Thành phố Châu Đốc
14	Trường Trung học phổ thông Châu Phong	Thị xã Tân Châu
15	Trường Trung học phổ thông Tân Châu	Thị xã Tân Châu
16	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Quang Diêu	Thị xã Tân Châu
17	Trường Trung học phổ thông Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
18	Trường Trung học phổ thông Xuân Tô	Thị xã Tịnh Biên
19	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh	Huyện Phú Tân
20	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phú Tân	Huyện Phú Tân
21	Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	Huyện Phú Tân
22	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Mỹ Hòa Hưng	Thành phố Long Xuyên
23	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	Huyện Thoại Sơn
24	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Trạch	Huyện Thoại Sơn
25	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cô Tô	Huyện Tri Tôn
26	Trường Trung học phổ thông Châu Văn Liêm	Huyện Chợ Mới

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở</b>	<b>Địa điểm</b>
27	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cảnh	Huyện Chợ Mới
28	Trường Trung học phổ thông Châu Phú	Huyện Châu Phú
29	Trường Trung học phổ thông Quốc Thái	Huyện An Phú
30	Trường Trung học phổ thông An Phú	Huyện An Phú
31	Trường Trung học phổ thông Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	Thành phố Châu Đốc
32	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học phổ thông An Giang	Thành phố Châu Đốc
33	Trường Trung học phổ thông chuyên Thoại Ngọc Hầu	Thành phố Long Xuyên
<b>III</b>	<b>Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo dự kiến xây mới</b>	
1	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	Huyện Tri Tôn
2	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền	Thành phố Long Xuyên
3	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phú Tân	Huyện Phú Tân
4	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Quang Diêu	Thị xã Tân Châu
5	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Lộc	Huyện An Phú
6	Trường Trung học phổ thông Hòa Lạc	Huyện Phú Tân
7	Trường Trung học phổ thông Xuân Tô	Thị xã Tịnh Biên
8	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Nhuận	Huyện Châu Thành
9	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu	Thành phố Châu Đốc
10	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Trạch	Huyện Thoại Sơn

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



**Phụ lục XVII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG**  
**GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cơ sở	Địa điểm
	<b>Danh mục hạ tầng giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị</b>	
<b>I</b>	<b>Khối trường Cao đẳng giáo dục nghề nghiệp</b>	
1	Trường Cao đẳng nghề An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Trường Cao đẳng Y tế An Giang	Thành phố Long Xuyên
<b>II</b>	<b>Khối trường Trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp</b>	
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang	Thành phố Châu Đốc
2	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú	Huyện Tri Tôn
3	Trường Trung cấp Giao thông Vận tải An Giang	Thành phố Long Xuyên
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Châu Thành	Huyện Châu Thành
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên An Phú	Huyện An Phú
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phú Tân	Huyện Phú Tân
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
9	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân	Thành phố Long Xuyên

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XVIII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG**  
**CƠ SỞ AN SINH XÃ HỘI TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ sở an sinh xã hội	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến củng cố, nâng cấp</b>	
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Thành phố Long Xuyên
2	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh (trụ sở chính)	Huyện Tri Tôn
3	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh (cơ sở 2)	Thành phố Châu Đốc
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội thành phố Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
5	Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
<b>II</b>	<b>Danh mục hạ tầng an sinh xã hội dự kiến xây mới</b>	
1	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật Thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
2	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật thị xã Tân Châu	Thị xã Tân Châu
3	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật huyện Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
4	Cơ sở chăm sóc người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
5	Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh An Giang	Thành phố Châu Đốc

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XIX**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CƠ SỞ**  
**VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>
<b>A</b>	<b>DI TÍCH DỰ KIẾN TU BỒ</b>	
<b>I</b>	<b>Di tích quốc gia đặc biệt</b>	
1	Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Thành phố Long Xuyên
2	Di tích Óc Eo - Ba Thê	Huyện Thoại Sơn
<b>II</b>	<b>Di tích cấp quốc gia</b>	
1	Chùa Ông Bắc	Thành phố Long Xuyên
2	Đình Mỹ Phước	Thành phố Long Xuyên
3	Núi Sam	Thành phố Châu Đốc
4	Miếu Bà Chúa Xứ	Thành phố Châu Đốc
5	Lăng Thoại Ngọc Hầu	Thành phố Châu Đốc
6	Chùa Tây An	Thành phố Châu Đốc
7	Chùa Hang	Thành phố Châu Đốc
8	Đình Châu Phú	Thành phố Châu Đốc
9	Đình Vĩnh Nguơn	Thành phố Châu Đốc
10	Thánh đường Hồi Giáo Mubarak	Thị xã Tân Châu
11	Chùa Giồng Thành	Thị xã Tân Châu
12	Chùa Hòa Thạnh	Thị xã Tịnh Biên
13	Nhà Mồ Ba Chúc	Huyện Tri Tôn
14	Chùa Tam Bửu	Huyện Tri Tôn
15	Chùa Phi Lai	Huyện Tri Tôn
16	Đồi Tức Dụp	Huyện Tri Tôn

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>
17	Chùa Xvayton	Huyện Tri Tôn
18	Căn cứ Cách mạng Ô Tà Sóc	Huyện Tri Tôn
19	Gò tháp An Lợi	Huyện Tri Tôn
20	Chùa Bà Lê	Huyện Chợ Mới
21	Cột Dây Thép	Huyện Chợ Mới
22	Đền thờ Quán Cơ Trần Văn Thành	Huyện Châu Phú
23	Đình Bình Mỹ	Huyện Châu Phú
24	Hai Bia đá và tượng Phật Bốn Tay	Huyện Thoại Sơn
25	Đình Thoại Ngọc Hầu và Bia Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
26	Nam Linh Sơn tự	Huyện Thoại Sơn
27	Gò Cây Thị	Huyện Thoại Sơn
28	Đình Đa Phước	Huyện An Phú
<b>III</b>	<b>Di tích cấp tỉnh</b>	
1	59 Di tích cấp tỉnh đã được công nhận	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>B</b>	<b>THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CẤP TỈNH XÂY MỚI</b>	
1	Làng Văn hóa bốn dân tộc phục vụ du lịch	Thành phố Châu Đốc
2	Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng và Điểm sinh hoạt Văn hóa, Thể thao cấp xã/phường	Tại các huyện, thị trên địa bàn tỉnh
3	Nhà thiếu nhi huyện	Huyện Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn
4	Hệ thống thư viện huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố
5	Nhà hát tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
6	Khu công viên văn hóa thể thao tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
7	Sân vận động tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>
7.1	Nhà thi đấu dưới nước	Thành phố Long Xuyên
7.2	Khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
8	Khu liên hợp văn hóa, thể thao tỉnh	Thành phố Long Xuyên
9	Đường đua xe đạp địa hình	Thị xã Tịnh Biên
10	Khu thể thao dưới nước Búng Bình Thiên	Huyện An Phú
11	Nhà thi đấu thể thao tỉnh	Thành phố Long Xuyên
12	Hồ bơi cấp tỉnh	Thành phố Long Xuyên

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XX**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG**  
**THƯƠNG MẠI TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

<b>STT</b>	<b>Huyện/thị/thành</b>	<b>Siêu thị</b>	<b>Trung tâm thương mại</b>
1	Thành phố Long Xuyên	5	5
2	Thành phố Châu Đốc	4	3
3	Thị xã Tân Châu	3	2
4	Thị xã Tịnh Biên	3	2
5	Huyện Thoại Sơn	2	2
6	Huyện Châu Thành	3	1
7	Huyện Châu Phú	2	2
8	Huyện Chợ Mới	3	2
9	Huyện Phú Tân	2	1
10	Huyện An Phú	3	1
11	Huyện Tri Tôn	3	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33</b>	<b>23</b>

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XXI**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG DỰ TRỮ,**  
**CUNG ỨNG XĂNG DẦU KHÍ ĐỐT, KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình	Địa điểm	Công suất dự kiến	Diện tích dự kiến (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Nhà máy sản xuất xăng sinh học</b>			
1	01 nhà máy	Huyện Thoại Sơn	150.000 tấn (Giai đoạn 1) 200.000 tấn (Giai đoạn 2)	34.600
<b>II</b>	<b>Kho xăng dầu</b>			
<b>II.1.</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>			
1	Kho Vĩnh Tre	Huyện Châu Phú	2.100 m <sup>3</sup>	5.023
2	Kho Mỹ Thạnh	Thành phố Long Xuyên	4.600 m <sup>3</sup>	10.000
<b>II.2</b>	<b>Xây mới</b>			
1	Kho Châu Phong	Thị xã Tân Châu	300 m <sup>3</sup>	1.500
2	Kho Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân	1.000 m <sup>3</sup>	5.000
3	Kho Chợ Vàm	Huyện Phú Tân	500 m <sup>3</sup>	1.000
<b>III</b>	<b>Trạm/kho khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)</b>			
1	- Trạm nạp LPG vào chai; - Kho Phú Long	Huyện Phú Tân	4 tấn	3.000
2	Kho Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân	6 tấn	5.000

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XXII**  
**CHỈ TIÊU PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>				<b>353.683</b>
<b>I</b>	<b>Loại đất</b>				
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>286.653</b>		<b>286.653</b>
-	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	235.323		235.323
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	235.323		235.323
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		23.021	23.021
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.305		7.305
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.285		1.285
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	1.241		1.241
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	2		2
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>66.579</b>		<b>66.579</b>
-	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.890		3.890
2.2	Đất an ninh	CAN	293		293
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	872		872
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		1.715	1.715
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		897	897



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1.165	1.165
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		102	102
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	24.267		24.267
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	11.130		11.130
-	Đất thủy lợi	DTL	0	11.242	11.242
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	72		72
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	120		120
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	881		881
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	146		146
-	Đất công trình năng lượng	DNL	551		551
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	14		14
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4		4
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	95		95
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	176		176
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON		413	413
2.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		381	381
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT		11.136	11.136

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quốc gia phân bổ (ha)	Diện tích tỉnh xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT		5.293	5.293
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		287	287
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		8	8
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>451</b>		<b>451</b>
<b>II</b>	<b>Khu chức năng</b>				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	-	-	
2	Đất khu kinh tế	KKT	30.730	-	30.730
3	Đất đô thị	KDT	36.517	-	36.517
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN		207.257	207.257
5	Khu lâm nghiệp	KLN		11.564	11.564
6	Khu du lịch	KDL		2.639	2.639
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT		13.212	13.212
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC		2.587	2.587
9	Khu đô thị	DTC		32.088	32.088
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM		3.893	3.893
11	Khu dân cư nông thôn	DNT		38.346	38.346

**Ghi chú:**

- Việc khoanh vùng sử dụng đất đai phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Phụ lục XXIII**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Công suất (tấn/ngày)	Công nghệ dự kiến
<b>I</b>	<b>Dự án nâng cấp</b>				
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên - Châu Thành	Huyện Châu Thành	8,0	300	Công nghệ đốt không thu hồi năng lượng
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phú Thạnh (cụm Phú Tân - Tân Châu)	Huyện Phú Tân	2,1	150	Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh
<b>II</b>	<b>Dự án xây mới</b>				
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phú Thạnh	Huyện Phú Tân	4,84	200	Công nghệ đốt không thu hồi năng lượng
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên - Châu Thành	Huyện Châu Thành	10	1000	Công nghệ đốt kết hợp phát điện
3	Nhà máy xử lý chất thải nguy hại tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên - Châu Thành	Huyện Châu Thành	0,5	4,8	Công nghệ đốt
4	Khu xử lý chất thải rắn vùng huyện, vùng liên huyện	Các huyện, thị xã, thành phố	10 - 25	200 - 250	

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XXIV**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH KHU VỰC THĂM ĐÒ, KHAI THÁC**  
**KHOÁNG SẢN TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Tên khoáng sản</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>	<b>Trữ lượng dự kiến (m<sup>3</sup>)</b>
<b>I</b>	<b>Than bùn</b>		
1	An Lạc - Núi Tô	222,2	3.730.600
<b>II</b>	<b>Đá xây dựng</b>		
1	Andesit Núi Dài Lớn	70,1	30.085.200
2	Granitoid Nam Núi Cô Tô	221,3	61.889.400
3	Granit Bà Đội	36,7	30.166.900
<b>III</b>	<b>Sét gạch ngói</b>		
1	An Nông - Lạc Quới	290,9	35.114.100
2	Vĩnh Thanh Trung	178,7	1.340.200
3	Bình Đức 1	13,1	172.600
4	Bình Đức 2	28,4	309.500
5	Bình Đức 3	24,4	702.200
6	Bình Đức 4	136,7	10.477.700
7	An Châu	182,2	10.412.200
8	Thị trấn An Phú	190,3	5.322.800
9	Thị trấn Tri Tôn	47,6	5.094.300
<b>IV</b>	<b>Cát xây dựng - san lấp</b>		
1	Xuân Tô (cát núi)	105,4	2.108.000
2	An Cư - Vĩnh Trung	286,3	5.726.000
3	Khánh Hòa - Phú Hiệp	134,2	6.411.300
4	Khánh Hòa - Hòa Lạc	107,5	2.300.000

STT	Tên khoáng sản	Diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng dự kiến (m <sup>3</sup> )
5	Mỹ Phú - Phú Bình	45,4	61.500
6	Bình Thủy - Tân Hòa	193,6	6.300.000
7	Bình Thủy - Nhơn Mỹ	836,9	17.831.600
8	Vĩnh Xương	279,1	5.933.300
9	Vĩnh Hòa - Tân An	222,4	8.280.000
10	Tấn Mỹ - Mỹ Hiệp 3	74,4	2.500.600
11	Tấn Mỹ - Mỹ Hiệp	364,3	4.235.100
12	Mỹ Hiệp - Bình Phước Xuân	214,8	6.201.600
13	Vĩnh Trường	32,3	1.605.100
14	Phú An - Tân Hòa	188,1	4.307.800
15	Phước Hưng - Phú Hữu	33,3	784.600
16	Bình Long - Phú Bình	72,0	400.000
17	Mỹ Phước - Mỹ Quý - Hòa Bình	200,6	4.900.000
18	Vĩnh Trường	156,6	1.000.000

**Ghi chú:**

- Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Các khu vực thăm dò, khai thác cát xây dựng, san lấp bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

**Phụ lục XXV**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÒNG,**  
**CHỐNG THIÊN TAI TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>I</b>	<b>Hệ thống kè phòng chống thiên tai, sạt lở</b>	
1	Kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ	Huyện Phú Tân
2	Tuyến kè đầu kênh Vĩnh An (đoạn từ bờ kè đến Chùa Ông)	Thị xã Tân Châu
3	Kè quản lý khu đất bãi bồi tiếp giáp Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Thành phố Long Xuyên
4	Kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
5	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu	Thành phố Châu Đốc
6	Kè bảo vệ thị trấn Long Bình (sông Bình Di)	Huyện An Phú
7	Kè sông Hậu Châu Phong	Thị xã Tân Châu
8	Kè sông Tiền Long Châu	Thị xã Tân Châu
9	Kè sông Hậu Quốc Thái	Huyện An Phú
10	Kè sông Hậu thị trấn An Phú	Huyện An Phú
11	Kè Cái Sắn Mỹ Thạnh	Thành phố Long Xuyên
12	Kè Sông Hậu Vĩnh Thạnh Trung	Huyện Châu Phú
13	Kè Sông Hậu An Châu	Huyện Châu Thành
14	Các kè xử lý sạt lở bờ sông, kênh trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với hạ tầng dân cư.	Toàn tỉnh
<b>II</b>	<b>Cụm tuyến dân cư phòng chống thiên tai, sạt lở</b>	
1	Tuyến dân cư Phú Hiệp - Hòa Lạc (phần còn lại), huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
2	Tuyến dân cư ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú	Huyện An Phú
3	Tuyến dân cư thích ứng với biến đổi khí hậu Tịnh Biên, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
4	Tuyến dân cư Tân Hậu A1 và Tân Hậu A2, xã Tân An, thị xã Tân Châu	Thị xã Tân Châu
5	Tuyến dân cư di dời dân khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu xã Châu Phong, thị xã Tân Châu	Thị xã Tân Châu
6	Cụm dân cư ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
7	Khu dân cư xã An Thạnh Trung, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
8	Cụm dân cư xã Vĩnh Gia, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
9	Các cụm tuyến dân cư phòng tránh thiên tai, sạt lở trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật

**Phụ lục XXVI**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG GIAO THÔNG</b>	
<b>I.1</b>	<b>Các tuyến đường liên tỉnh</b>	
1	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang (Đường tỉnh 945)	Huyện Châu Phú, huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên
2	Xây mới tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu
<b>I.2</b>	<b>Các tuyến đường tỉnh</b>	
1	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giai đoạn 2	Thị xã Tịnh Biên
2	Nâng cấp Đường tỉnh 958 (Tuyến Tri Tôn - Vàm Rầy)	Huyện Tri Tôn
3	Xây mới Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	Huyện Châu Thành
4	Xây mới Đường tỉnh 947	Huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, huyện Thoại Sơn
5	Nâng cấp Đường tỉnh 949	Huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên
6	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 941 (đoạn từ cầu 16 đến ngã 3 giao nhau giữa đường 3 tháng 2 và đường Hùng Vương)	Huyện Tri Tôn
<b>I.3</b>	<b>Các tuyến đường khác</b>	
1	Xây mới tuyến kết nối cửa khẩu Khánh Bình	Thành phố Châu Đốc, huyện An Phú



<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
2	Xây mới tuyến kết nối cửa khẩu Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên, thành phố Châu Đốc
3	Xây mới tuyến nhánh kết nối (có điểm đầu tại Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và điểm cuối tại ĐT.995A)	Thành phố Châu Đốc
4	Xây mới tuyến đường tránh quốc lộ 91 qua đô thị Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung (nối đường tỉnh 945 và đường tỉnh 947)	Huyện Châu Phú
5	Nâng cấp đường kênh Long Điền A - B	Huyện Chợ Mới
6	Xây mới tuyến tránh đường tỉnh 951 (Đoạn từ km11 đến km15)	Huyện Phú Tân
7	Nâng cấp tuyến đường Nam Cần Thảo (từ quốc lộ 91 đến rừng tràm Trà sư, thị xã Tịnh Biên)	Thị xã Tịnh Biên, huyện Châu Phú
<b>I.4</b>	<b>Xây mới các cầu</b>	
1	Cầu Tôn Đức Thắng	Thành phố Long Xuyên
2	Cầu Tân Châu - Hồng Ngự	Thị xã Tân Châu
3	Cầu Năng Gù	Huyện Châu Phú và huyện Phú Tân
4	Cầu An Hòa	Huyện Chợ Mới - Thành phố Long Xuyên
5	Cầu Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc và thị xã Tân Châu
6	Cầu Thuận Giang	Huyện Chợ Mới và huyện Phú Tân
<b>I.5</b>	<b>Giao thông đường thủy nội địa</b>	
1	Nâng cấp Nhánh cù lao Tây, sông Tiền	Huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân
2	Nâng cấp kênh Kênh Tri Tôn - Hậu Giang	Huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên, huyện Châu Phú
3	Nâng cấp Kênh Ba Thê	Huyện Thoại Sơn, huyện Châu Thành, huyện Châu Phú

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
4	Nạo vét các sông: sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Nao và các kênh: kênh Tân Châu Lấp Vò - Sa Đéc, kênh Tri Tôn, kênh Tám Ngàn, kênh Vĩnh Tế...	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG</b>	
1	Các dự án điện năng lượng mặt trời	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Các dự án điện gió	Các huyện, thị xã, thành phố
3	Các dự án điện sinh khối	Các huyện, thị xã, thành phố
4	Các dự án điện rác	Các huyện, thị xã, thành phố
5	Các dự án khí sinh học	Các huyện, thị xã, thành phố
6	Các trạm biến áp và đường dây 110kV	Các huyện, thị xã, thành phố
7	Hệ thống trạm sạc điện, nạp khí	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>III</b>	<b>HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HẠ TẦNG SỐ</b>	
1	Xây dựng Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Xây dựng trung tâm điều hành y tế thông minh ngành y tế An Giang, điều hành hoạt động chăm sóc sức khỏe tại tỉnh và cung cấp số liệu sức khỏe người dân tỉnh An Giang cho trung tâm điều hành của tỉnh	Thành phố Long Xuyên
3	Đầu tư thư viện điện tử tại Thư viện tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
4	Đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
<b>IV</b>	<b>HẠ TẦNG THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>	
1	Xây dựng mới hồ chứa nước ở vùng cao Bảy Núi phục vụ đa mục tiêu huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên	Huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
2	Các công thuộc dự án Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao; các công thuộc dự án Kiểm soát lũ Nam Vàm Nao	Huyện Phú Tân, huyện Chợ Mới
3	Các công phục vụ khép vùng, vận hành tích trữ nước cho các vùng, tiểu vùng	Các huyện, thị xã, thành phố
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế	Thành phố Châu Đốc, thị xã Tịnh Biên
5	Hệ thống các kênh thuộc dự án Kiểm soát lũ Nam Vàm Nao	Huyện Chợ Mới
6	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên	Vùng Tứ giác Long Xuyên
7	Kênh Bảy Xã	Thị xã Tân Châu, huyện An Phú
8	Kênh Trà Sư - Tri Tôn	Thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn
9	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đê, bờ bao	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>V</b>	<b>HẠ TẦNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC</b>	
1	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu thương mại - dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1)	Huyện An Phú
3	Tuyến ống cấp nước sạch sinh hoạt (Tiểu vùng kênh 7 - Cần Thảo - kênh Đào - kênh ranh Châu Phú - Tịnh Biên)	Huyện Châu Phú
4	Cấp nước cho khu vực bị ảnh hưởng bởi hai dự án Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu và Cánh đồng lớn	Huyện Châu Thành
5	Nâng cấp, cải tạo, lắp mới các tuyến ống cấp nước để chủ động phòng ngừa hạn hán, xâm nhập mặn thuộc huyện Tri Tôn và cấp nước sạch cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Kiểm soát lũ Tây sông Hậu thuộc huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành, huyện Tri Tôn

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
6	Cải tạo, nâng cấp các nhà máy cấp nước đô thị	Thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên
7	Xây mới nhà máy cấp nước đô thị Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
8	Cải tạo, nâng cấp các nhà máy cấp nước khu vực nông thôn	Các huyện, thị xã, thành phố
9	Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và hạ tầng đàu nối thị xã Tân Châu	Thị xã Tân Châu
10	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị	Thị xã Tịnh Biên
11	Thoát nước và chống ngập bền vững thành phố Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Thành phố Long Xuyên
<b>VI</b>	<b>HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>	
<b>VI.1</b>	<b>Hạ tầng văn hóa, thể thao</b>	
1	Làng văn hóa bốn dân tộc phục vụ du lịch	Thành phố Châu Đốc
2	Khu công viên văn hóa thể thao tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
3	Nhà hát tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
4	Khu thể thao dưới nước Búng Bình Thiên	Huyện An Phú
5	Trung tâm văn hóa, thể thao huyện	Huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới
6	Trung tâm văn hóa, thể thao các xã	Các huyện, thị xã, thành phố
7	Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hoá xếp hạng cấp tỉnh	Thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên và các huyện Châu Thành, An Phú, Thoại Sơn, Tri Tôn, Chợ Mới
8	Xây dựng Trung tâm đào tạo huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
9	Sân vận động tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
10	Khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
11	Khu liên hợp văn hóa, thể thao tỉnh	Thành phố Long Xuyên
12	Đường đua xe đạp địa hình	Thị xã Tịnh Biên
13	Nhà thi đấu thể thao tỉnh	Thành phố Long Xuyên
14	Hồ bơi cấp tỉnh	Thành phố Long Xuyên
<b>VI.2</b>	<b>Hạ tầng y tế</b>	
1	Xây mới bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Long Xuyên
2	Xây mới bệnh viện phục hồi chức năng	Thành phố Long Xuyên
3	Xây mới bệnh viện truyền nhiễm	Thành phố Long Xuyên
4	Xây mới bệnh viện Sản - Nhi An Giang	Thành phố Long Xuyên
5	Xây mới Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
6	Mở rộng bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	Thành phố Long Xuyên
7	Mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	Thành phố Châu Đốc
8	Mở rộng bệnh viện Tim mạch An Giang (giai đoạn 2)	Thành phố Long Xuyên
9	Xây mới bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
10	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện	Huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Châu Phú
11	Xây mới bệnh viện quân dân y tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
12	Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã trên địa bàn	Thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên và các huyện: Châu Thành, Châu Phú, Phú Tân, Phú Tân, An Phú, Chợ Mới, Tri Tôn

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>VI.3</b>	<b>Hạ tầng giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>	
1	Xây dựng mới trường trung cấp Giao thông Vận tải An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Cải tạo, sửa chữa trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	Huyện Tri Tôn
3	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
4	Cải tạo, nâng cấp trường Cao đẳng y tế An Giang	Thành phố Long Xuyên
5	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>VI.4</b>	<b>Hạ tầng khoa học - công nghệ</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	Thành phố Long Xuyên và huyện Châu Thành
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học	Huyện Châu Thành
<b>VI.5</b>	<b>Hạ tầng an sinh xã hội</b>	
1	Xây mới trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh An Giang	Thành phố Châu Đốc
2	Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ Dốc Bà Đắc	Thị xã Tịnh Biên
3	Nâng cấp trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	Thành phố Long Xuyên
4	Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	Thành phố Long Xuyên
<b>VII</b>	<b>HẠ TẦNG DU LỊCH</b>	
1	Khu Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Thành phố Long Xuyên
2	Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê	Huyện Thoại Sơn
3	Khu du lịch Núi Cấm	Thị xã Tịnh Biên
4	Khu du lịch quốc gia Núi Sam	Thành phố Châu Đốc

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
5	Khu du lịch Núi Sập	Huyện Thoại Sơn
6	Bến tàu du lịch Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
7	Khu du lịch hồ Soài So	Huyện Tri Tôn
8	Khu du lịch Bắc Miếu Bà	Thành phố Châu Đốc
9	Khu du lịch Búng Bình Thiên	Huyện An Phú
10	Khu du lịch sinh thái cộng đồng Cù Lao Giêng	Huyện Chợ Mới
11	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Bình Thạnh	Huyện Châu Thành
12	Khu đô thị sinh thái, dịch vụ - du lịch và sân gôn Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
13	Khu sinh thái - du lịch di tích lịch sử	Huyện Châu Thành
14	Khu du lịch sinh thái lòng hồ Tân Trung	Huyện Phú Tân
<b>VIII</b>	<b>HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ</b>	
1	Các khu thương mại - dịch vụ, khu phức hợp, trung tâm thương mại tổng hợp	Thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên
2	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Thành phố Long Xuyên
3	Trung tâm tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm cấp tỉnh	Thành phố Châu Đốc
4	Các trung tâm thương mại	Các huyện, thị xã, thành phố
5	Các siêu thị	Các huyện, thị xã, thành phố
6	Các chợ	Các huyện, thị xã, thành phố
7	Các khu thương mại - dịch vụ	Các huyện, thị xã, thành phố

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
8	Khu thương mại và vui chơi, giải trí Vĩnh Xương (mở rộng)	Thị xã Tân Châu
9	Khu thương mại - dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 2)	Huyện An Phú
10	Khu thương mại - dịch vụ đường tránh quốc lộ 91	Thành phố Châu Đốc
11	Các khu thương mại - dịch vụ tuyến đường nối Khu dân cư chợ Vĩnh Đông đến đường tránh quốc lộ 91	Thành phố Châu Đốc
<b>IX</b>	<b>HẠ TẦNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU KHÍ ĐÓT, KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG</b>	
1	Nhà máy sản xuất xăng sinh học	Huyện Thoại Sơn
2	Kho xăng dầu Châu Phong	Thị xã Tân Châu
3	Kho xăng dầu Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân
4	Kho xăng dầu Chợ Vàm	Huyện Phú Tân
5	Kho chứa và trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>X</b>	<b>TRUNG TÂM TRUNG CHUYỂN VÀ KHO VẬN</b>	
1	Trung tâm trung chuyển và kho vận	Các khu vực cửa khẩu tỉnh
2	Các kho nông sản, kho lạnh	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>XI</b>	<b>HẠ TẦNG KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ</b>	
1	Khu đô thị mới phía Nam thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
2	Khu đô thị mới phía Bắc đường Trần Quang Khải	Thành phố Long Xuyên
3	Khu đô thị mới phía Nam đường Phạm Cự Lượng	Thành phố Long Xuyên
4	Khu đô thị mới phía Tây đường tránh thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
5	Khu đô thị sinh thái nước An Châu	Huyện Châu Thành
6	Khu đô thị giáo dục - y tế và nông nghiệp công nghệ cao	Huyện Châu Thành
7	Khu đô thị công nghiệp công nghệ cao	Huyện Châu Thành
8	Khu đô thị thương mại - dịch vụ logistics	Huyện Châu Thành



<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
9	Khu đô thị mới An Châu	Huyện Châu Thành
10	Khu dân cư thương mại Mường Trâu	Huyện Châu Thành
11	Khu đô thị thông minh An Châu	Huyện Châu Thành
12	Tuyến dân cư đường tránh tỉnh lộ 941 nối dài	Huyện Châu Thành
13	Trục đô thị An Châu - Bình Hòa	Huyện Châu Thành
14	Khu đô thị - du lịch sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ	Thành phố Châu Đốc
15	Khu dân cư 2 bên đường dẫn cầu Long Bình	Huyện An Phú
16	Các khu tái định cư, khu đô thị, tuyến dân cư, trục đô thị, khu dân cư nông thôn mới	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>XII</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>	
1	Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế	
1.1	Hạ tầng khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng	Huyện Châu Thành
1.2	Hạ tầng khu công nghiệp Hội An	Huyện Chợ Mới
1.3	Hạ tầng khu công nghiệp Xuân Tô mở rộng	Thị xã Tịnh Biên
1.4	Hạ tầng khu công nghiệp Định Thành	Huyện Thoại Sơn
1.5	Hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống	Thành phố Long Xuyên
1.6	Hạ tầng khu công nghiệp Bình Long	Huyện Châu Phú
1.7	Hạ tầng Khu Kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang	Khu vực cửa khẩu: Vĩnh Xương, Khánh Bình và Tịnh Biên
2	Hạ tầng cụm công nghiệp	
2.1	Hạ tầng cụm công nghiệp Cô Tô	Huyện Tri Tôn
2.2	Hạ tầng cụm công nghiệp Lương An Trà mở rộng	Huyện Tri Tôn
2.3	Hạ tầng cụm công nghiệp Lương An Trà 2	Huyện Tri Tôn
2.4	Hạ tầng cụm công nghiệp Lương An Trà 3	Huyện Tri Tôn
2.5	Hạ tầng cụm công nghiệp Núi Tô	Huyện Tri Tôn
2.6	Hạ tầng cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp An Phú mở rộng	Huyện An Phú
2.7	Hạ tầng cụm công nghiệp Long Bình	Huyện An Phú
2.8	Hạ tầng cụm công nghiệp Bình Thạnh Đông	Huyện Phú Tân

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
2.9	Hạ tầng cụm công nghiệp Tân Trung mở rộng	Huyện Phú Tân
2.10	Hạ tầng cụm công nghiệp Chợ Vàm	Huyện Phú Tân
2.11	Hạ tầng cụm công nghiệp Phú Bình	Huyện Phú Tân
2.12	Hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Tế	Thành phố Châu Đốc
2.13	Hạ tầng cụm công nghiệp Châu Phong	Thị xã Tân Châu
2.14	Hạ tầng cụm công nghiệp Long Sơn	Thị xã Tân Châu
2.15	Hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu
2.16	Hạ tầng cụm công nghiệp Long An	Thị xã Tân Châu
2.17	Hạ tầng cụm công nghiệp An Nông	Thị xã Tịnh Biên
2.18	Hạ tầng cụm công nghiệp An Cư	Thị xã Tịnh Biên
2.19	Hạ tầng cụm công nghiệp An Phú	Thị xã Tịnh Biên
2.20	Hạ tầng cụm công nghiệp Hòa Bình	Huyện Chợ Mới
2.21	Hạ tầng cụm công nghiệp Hòa An	Huyện Chợ Mới
2.22	Hạ tầng cụm công nghiệp Long Giang	Huyện Chợ Mới
2.23	Hạ tầng cụm công nghiệp Nhơn Mỹ	Huyện Chợ Mới
2.24	Hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề Long Điền A	Huyện Chợ Mới
2.25	Hạ tầng cụm công nghiệp Mỹ Phú	Huyện Châu Phú
2.26	Hạ tầng cụm công nghiệp Mỹ Phú 2	Huyện Châu Phú
2.27	Hạ tầng cụm công nghiệp Mỹ Phú 3	Huyện Châu Phú
2.28	Hạ tầng cụm công nghiệp Bình Mỹ 1	Huyện Châu Phú
2.29	Hạ tầng cụm công nghiệp Bình Mỹ 2	Huyện Châu Phú
2.30	Hạ tầng cụm công nghiệp Bình Mỹ 3	Huyện Châu Phú
2.31	Hạ tầng cụm công nghiệp Bình Đức mở rộng	Thành phố Long Xuyên
2.32	Hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Bình mở rộng	Huyện Châu Thành
2.33	Hạ tầng cụm công nghiệp Hòa Bình Thạnh	Huyện Châu Thành

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
2.34	Hạ tầng cụm công nghiệp Tân Thành	Huyện Thoại Sơn
2.35	Hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Trạch	Huyện Thoại Sơn
<b>XIII</b>	<b>LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP</b>	
1	Trung tâm đầu mối về nông nghiệp tại An Giang có chức năng chính là thu gom, chế biến gạo, thủy sản nước ngọt, công nghiệp phụ trợ, trung tâm logistics và đào tạo nghề	Thành phố Long Xuyên
2	Khu nông nghiệp công nghệ cao tỉnh An Giang	Huyện Châu Thành
3	Khu phức hợp nuôi trồng thủy sản và cây ăn trái	Huyện Thoại Sơn
4	Khu nông nghiệp công nghệ cao Châu Phú	Huyện Châu Phú
5	Hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tập trung tỉnh An Giang	Huyện Châu Phú
6	Dự án “Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang”	Tỉnh An Giang
7	Dự án đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất tại các vùng chuyên canh trên địa bàn tỉnh An Giang	Các huyện Tri Tôn, Châu Phú, thị xã Tịnh Biên, thành phố Châu Đốc
8	Dự án đầu tư hạ tầng phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang	Các huyện Chợ Mới, Châu Phú, Châu Thành, An Phú
9	Hệ thống điện, thủy lợi và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất vùng chuyên nuôi trồng thủy sản	Các huyện Thoại Sơn, Châu Phú, Phú Tân, thành phố Long Xuyên
10	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tại khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyên	Huyện Tri Tôn
11	Dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất tại rừng tràm Bình Minh	Huyện Tri Tôn
12	Dự án trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh (cây lâm nghiệp) tạo cảnh quan tại núi Sam	Thành phố Châu Đốc
13	Dự án khôi phục rừng tràm và hệ sinh thái đất ngập nước tại khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư	Thị xã Tịnh Biên
14	Các tuyến kè	Thành phố Long Xuyên, thị xã Tân Châu

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
15	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng vùng đồi núi tỉnh An Giang	Các huyện, thị xã, thành phố
16	Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán tỉnh An Giang	Các huyện, thị xã, thành phố
17	Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi	Các huyện, thị xã, thành phố
18	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Tây đường tránh thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
19	Dự án thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	Huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên
20	Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu	Huyện Thoại Sơn, huyện Châu Thành
21	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc hệ thống thủy lợi vùng tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Các huyện, thị xã, thành phố
22	Nâng cấp hệ thống đê cấp III, vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (giai đoạn 2)	Thị xã Tân Châu
23	Dự án đầu tư xây dựng hồ trữ lũ, cấp ngọt Trà Sư - Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
24	Xây dựng hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiêu vùng Tứ giác Long Xuyên	Huyện Tri Tôn, thị xã Tịnh Biên
25	Dự án kiểm soát lũ vùng đê bao Nam Vàm Nao (giai đoạn 2)	Huyện Chợ Mới
26	Kiểm soát lũ vùng Tây sông Hậu (giai đoạn 2)	Huyện Thoại Sơn, huyện Châu Thành
27	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>XIV</b>	<b>LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	
1	Tuyến dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong	Thị xã Tân Châu
2	Bố trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20	Thị xã Tịnh Biên
3	Khu tái định cư đường tỉnh 945	Huyện Châu Phú
4	Khu tái định cư Khánh Bình	Huyện An Phú
5	Dự án nước sạch nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2029	Các huyện, thị xã, thành phố

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
<b>XV</b>	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	
1	Trạm khí tượng tự động quan trắc các yếu tố khí tượng	Thành phố Long Xuyên
2	Nâng cấp, cải tạo các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>XVI</b>	<b>AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>	
1	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu
2	Cải tạo, sửa chữa Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh	Thành phố Long Xuyên
3	Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
4	Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Châu Phú	Huyện Châu Phú
5	Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Châu Thành	Huyện Châu Thành
6	Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trên sông thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Thành phố Long Xuyên
7	Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an thành phố Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
8	Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an huyện An Phú	Huyện An Phú
9	Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an huyện Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
10	Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an huyện Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
11	Trung tâm chỉ huy, điều hành phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên
12	Xây dựng mới cụm kho hậu cần tỉnh	Thành phố Long Xuyên
13	Xây dựng một số hạng mục tại khu vực Sở chỉ huy	Thành phố Long Xuyên
14	Cải tạo, nâng cấp Trường quân sự cũ thành doanh trại Tiểu đoàn huấn luyện dự bị động viên	Huyện Thoại Sơn
15	Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang	Các huyện, thị xã, thành phố

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm dự kiến</b>
16	Đầu tư xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh	Thành phố Long Xuyên
<b>XVII</b>	<b>HẠ TẦNG CỬA KHẨU</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng cửa khẩu quốc tế: Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Khánh Bình	Thị xã Tịnh Biên, thị xã Tân Châu, huyện An Phú
2	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng cửa khẩu chính: Vĩnh Hội Đông, Bắc Đai	Huyện An Phú
3	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng cửa khẩu phụ: Vĩnh Gia, Vĩnh Ngon, Khánh An	Huyện Tri Tôn, thành phố Châu Đốc, huyện An Phú
4	Quốc môn Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
5	Quốc môn Cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Vĩnh Xương	Thị xã Tân Châu
<b>XVIII</b>	<b>TRUNG TÂM LOGISTICS</b>	
1	Trung tâm logistics cấp vùng	Thành phố Long Xuyên
2	Trung tâm logistics cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	Thị xã Tịnh Biên
3	Trung tâm logistics và các khu chức năng	Huyện An Phú

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng cam kết của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Công văn số 1464/UBND-TH ngày 06/11/2023 và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có). Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

**Phụ lục XXVII**  
**DANH MỤC VÀ TỶ LỆ SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**  
**TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1 : 250.000
2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	1 : 100.000
3	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1 : 100.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1 : 100.000
5	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch; hạ tầng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	1 : 100.000
6	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (hạ tầng y tế; hạ tầng thương mại; hạ tầng bảo trợ xã hội công lập)	1 : 100.000
7	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (mạng lưới giao thông; mạng lưới thủy lợi; mạng lưới cấp nước sạch)	1 : 100.000
8	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (mạng lưới cấp điện và năng lượng; mạng lưới viễn thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1 : 100.000
9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý chất thải và nghĩa trang)	1 : 100.000
10	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1 : 100.000
11	Bản đồ hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1 : 100.000
12	Bản đồ hiện trạng phát triển khu, cụm công nghiệp	1 : 100.000
13	Bản đồ hiện trạng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản	1 : 100.000
14	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1 : 100.000
15	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1 : 100.000
16	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1 : 100.000
17	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch; hạ tầng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập)	1 : 100.000

<b>STT</b>	<b>Tên bản đồ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
18	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (hạ tầng y tế; hạ tầng thương mại; hạ tầng bảo trợ xã hội công lập)	1 : 100.000
19	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (mạng lưới giao thông; mạng lưới thủy lợi; mạng lưới cấp nước sạch)	1 : 100.000
20	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (mạng lưới cấp điện và năng lượng; mạng lưới viễn thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1 : 100.000
21	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý chất thải và nghĩa trang)	1 : 100.000
22	Bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1 : 100.000
23	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1 : 100.000
24	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1 : 100.000
25	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1 : 100.000
26	Sơ đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên đầu tư	1 : 100.000
27	Sơ đồ chuyên đề (Phương án khoanh vùng phát triển nông nghiệp)	1 : 100.000
28	Sơ đồ chuyên đề (Phương án phát triển khu, cụm công nghiệp)	1 : 100.000